

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **15/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 01 - 7 - 2019.

“V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Y Bloh Mlô.

2/ Ông Y Míp Niê.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Khoa - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về việc: *“Yêu cầu không công nhận vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/6/2019 giữa các đương sự:

+*Nguyên đơn:* Bà HD Mlô, sinh năm 1975 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+*Bị đơn:* Ông Nay B, sinh năm 1980 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+*Người phiên dịch:* Chị HD Mlô, sinh năm 1995. Hiện đang công tác tại Đội tổng hợp Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà H D Mlô trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà HD Mlô và ông Nay B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng vì nhận thức pháp luật còn hạn chế nên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong khoảng thời gian đầu chung sống với nhau cũng mang lại cho nhau hạnh phúc và đã sinh được hai đứa con gái. Đến khoảng năm 2007 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vì ông Nay B có người phụ nữa khác và ông Nay B cũng không sống chung với ba mẹ con bà HD Mlô từ đó đến nay. Nay tình cảm của hai người không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận bà và ông Nay B là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau bà và ông Nay B sinh được 02 con chung là cháu HR Mlô, sinh ngày 01/6/2000 và cháu HN Mlô, sinh ngày 24/11/2005. Các bên thỏa thuận giao 02 cháu H R Mlô và HN Mlô cho bà HD Mlô trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Không yêu cầu ông Nay B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nay B tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Nay B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nay B công nhận bà HD Mlô trình bày về thời gian chung sống với nhau như vợ chồng là đúng và đầy đủ, ông không có ý kiến trình bày hay bổ sung gì thêm. Nay tình cảm giữa ông và bà HD Mlô thực sự không còn và không có hạnh phúc nữa nên bà HD Mlô làm đơn yêu cầu tòa án giải quyết không công nhận ông và bà HD Mlô là vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông với bà HD Mlô có 02 con chung như bà HD Mlô đã trình bày, các bên đã thỏa thuận giao 2 cháu HR Mlô và HN Mlô cho bà HD Mlô trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Nay B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và không ai được quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phản tranh luận tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H Dln.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà HD Mlô và ông Nay B.

Về con chung: giao 02 cháu HR Mlô, sinh ngày 01/6/2000 và HN Mlô, sinh ngày 24/11/2005 cho bà HD Mlô trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Nay B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà HD Mlô là người dân tộc thiểu số sinh sống tại thôn, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H D Mlô yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nay B là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, bà HD Mlô và ông Nay B đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại Buôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Nay B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà HD Mlô và ông Nay B tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay, mặc dù tại thời điểm sống chung, các bên có đủ điều kiện kết hôn, nhưng các bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, là trái với quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng, các bên thừa nhận cuộc sống chung của hai người phát sinh mâu thuẫn từ năm 2007, ông Nay B đã đi chung sống với người phụ nữ khác từ đó đến nay, các bên sống không hạnh phúc, thực sự không còn tình cảm gì với nhau và yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Nên áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận bà HD Mlô và ông Nay B là vợ chồng.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà HD Mlô và ông Nay B thừa nhận có 02 con chung là cháu HR Mlô, sinh ngày 01/6/2000 và HN Mlô, sinh ngày 24/11/2005. Trong quá trình giải quyết các bên thỏa thuận giao 02 con chung là cháu HR Mlô và HN Mlô cho bà HD Mlô trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Nay B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà HD Mlô và ông Nay B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí*: Bà H D Mlô là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, nên miễn toàn bộ án phí cho bà HD Mlô.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà HD Mlô.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà HD Mlô và ông Nay B là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*: Ghi nhận việc thỏa thuận của các bên đương sự như sau: Giao cháu HR Mlô, sinh ngày 01/6/2000 và cháu HN Mlô, sinh ngày 24/11/2005 cho bà HD Mlô trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Ông Nay B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai có quyền cản trở việc đi lại thăm nom con chung.

3. *Về án phí*: Bà HD Mlô được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà HD Mlô số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0014805 ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã Đliêya;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN MẠNH TUÂN